

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HS- ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Đồng Dực
Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Thanh Bình
Ông Trần Quang Chử

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền – Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2021/HSST ngày 14/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/HSST-QĐ ngày 26/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 07/6/2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Đắc T, sinh năm 1972. Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Trồng trọt Trình độ học vấn: 6/12

Con ông Bùi Đắc S (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H (Đã chết).

Vợ: Lê Thị L, sinh năm 1973

Có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1999

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2021, đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

2. Bùi Đắc H, sinh năm 1986. Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 09/12
Con ông Bùi Đắc D (Đã chết) và bà Đỗ Thị L.
Vợ: Bùi Thị Tuyết N, sinh năm 1987.

Bị cáo có 01 con, sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2021, đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

3. Bùi Đắc K, sinh năm 1981. Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 09/12
Con ông: Bùi Đắc Đ (Đã chết) và bà Hoàng Thị T.
Vợ: Bùi Thị H, sinh năm 1985.

Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân: Ngày 30/3/2009 bị Công an huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ra Quyết định số 42 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2021, đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

4. Nguyễn Văn S, sinh năm 1979. Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 05/12
Con ông Nguyễn Văn D (Đã chết) và bà Hoàng Thị Đ.
Vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1982.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân: Ngày 07/3/2008 bị Công an huyện Ân Thi ra Quyết định số 51 xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2021, đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

5. Bùi Trung U, sinh năm 1980. Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 06/12

Con ông Bùi Trung N (Đã chết) và bà Hoàng Thị Đ.

Vợ: Hoàng Thị P, sinh năm 1972 (Đã ly hôn).

Bị cáo có 01 con, sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Nhân thân: Ngày 07/3/2008 bị Công an huyện Ân Thi ra Quyết định số 50 xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2021, đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

6. Bùi Trung Y, sinh năm 1968. Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 09/12

Con ông Bùi Trung H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị N (Đã chết)

Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1972.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2021, đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

7. Bùi Đắc Đ, sinh năm 1991. Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 09/12

Con ông Bùi Đắc N và bà Hoàng Thị M.

Vợ: Phạm Thị A, sinh năm 1993

Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2021

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2021, đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

8. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984. Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 8/12

Con ông Nguyễn Văn L (Đã chết) và bà Bùi Thị X.

Vợ: Đặng Thị Hoài A, sinh năm 1989.

Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2021, đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

9. **Bùi Trung D**, sinh năm 1991. Giới tính: Nam

Hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 12/12

Con ông Bùi Trung C (Đã chết) và bà Hoàng Thị P.

Vợ: Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1992 (Đã ly hôn).

Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2021, đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: **Ông Bùi Trung Q** (vắng mặt)

Người chứng kiến: **Ông Bùi Đắc B** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 02/02/2021, Bùi Đắc H đi bộ một mình đến nhà Bùi Đắc T ở cùng thôn chơi, lúc này T không có ở nhà. Thấy cửa nhà T mở, H đi vào ngồi uống nước. Sau đó có Nguyễn Văn S, Bùi Đắc Đ và Bùi Trung T đều ở cùng thôn đi bộ đến nhà T chơi, tất cả ngồi uống nước, đến khoảng 19 giờ 30 phút cả 4 người cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh "chắn" sát phạt nhau bằng tiền. H đi lấy 01 bộ bài chắn 100 quân có gáy màu trắng, 01 đĩa sứ

màu trắng có sẵn tại kệ bếp nhà T rồi cùng S, Y và Đ ngồi trên chiếc chiếu cói đã trải sẵn tại nền nhà phía bên phải cửa ra vào để đánh bạc. Tất cả cùng thống nhất cách chơi và mức sát phạt như sau: Từ bộ bài chắn 100 quân bài gồm có 04 quân Chi Chi và các hàng Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục, Thất, Bát và Cửu. Mỗi hàng có 03 nhánh là Văn, Vạn, Sách. Mỗi nhánh gồm có 04 quân bài. Khi chơi, mỗi người chơi được chia 19 quân bài, riêng người có cái đánh cây đầu thì được chia 20 quân bài, số quân bài còn lại để tại chiếc đĩa sứ đặt ở giữa chiếu làm bài lọc. Khi đánh bạc, trên bài có 02 quân bài cùng hàng, cùng nhánh gọi là 01 “Chấn”, có 02 quân bài cùng hàng, khác nhánh gọi là “Cạ”. Quy định, nếu có 06 chấn, 03 cạ được gọi là “Ừ rộng”, nếu có 05 chấn và 04 cạ được gọi là “Ừ bạch thủ”. Khi ù, nếu trên bài có quân bài Cửu Vạn, Bát Sách và Chi Chi là cước Lèo, có quân bài Tam Vạn, Thất Văn là cước Tôm. Chiu và Thiên Khai là có 04 quân bài giống nhau. Nếu trên bài không có quân bài nào màu đỏ gọi là cước Bạch Định, nếu trên bài có 08 quân màu đỏ gọi là cước Tám Đỏ, nếu trên bài có quân Chi Chi thì chỉ được “Ừ bạch thủ”, không được “Ừ rộng”. Quá trình đánh bạc có các cước ù như: Tám Đỏ, Bạch Định, Bạch Thủ ù Chi, Bạch Thủ, Lèo, Tôm, Chiu, Thiên Khai, Thông, Chì, Xuông. Mức tiền cược trong mỗi ván bạc là “Ừ xuông” 60.000 đồng, “Dịch” 20.000 đồng, tức là nếu một người “Ừ xuông” thì hai người cùng đánh bạc ngồi bên cạnh người “Ừ” sẽ phải trả cho người đó 60.000 đồng, nếu có thêm các cước thì mỗi cước sẽ cộng thêm 20.000 đồng. Khi chơi những người ngồi đối diện nhau (chéo cánh) thì không lấy tiền của nhau mà chỉ lấy tiền của những người thua còn lại và nếu ai ù to (Ừ có gà như: Tám Đỏ, Bạch Định, Bạch Thủ ù Chi, Bạch Thủ, Lèo, Tôm, Chiu, Thiên Khai, Thông, Chì) thì người ù sẽ bỏ ra 20.000 đồng để ở ngoài cH để trả cho chủ nhà tiền chè nước, thuốc (gọi là tiền hồ). Khi tham gia chơi đánh bạc thì H có số tiền 11.100.000 đồng, S có số tiền 7.000.000 đồng, Thủy có số tiền 4.750.000 đồng, Đ có số tiền 2.500.000 đồng, tất cả đều khai sẽ sử dụng vào đánh bạc. Quá trình đánh thì Thủy ù được hai ván, bỏ ra tổng số tiền là 40.000 đồng, Đ ù được một ván, bỏ ra số tiền 20.000 đồng và để ở ngoài chiếu bạc.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn H ở cùng thôn cũng đến nhà T chơi, thấy nhóm của H đang đánh bạc, H vào xem. Sau đó Bùi Đắc K, Bùi Trung U, Bùi Trung D đều ở cùng thôn đến chơi, thấy vậy tất cả đã rủ nhau cùng chơi đánh bạc bằng hình thức đánh chắn sát phạt nhau bằng tiền. K lấy 01 bộ bài chắn 100 quân có gáy màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng có sẵn tại kệ bếp nhà T, còn Bùi Trung D đi lấy 01 chiếu cói đôi của nhà T trải ra nền nhà phía bên trái cửa ra vào, sau đó cả 4 người H, K, U và Bùi Trung D cùng ngồi đánh bạc. Hình thức và mức độ chơi như cH đánh bạc nhóm của H, S, Y và Bùi Đắc Đ và cũng thống nhất người ù sẽ bỏ ra 20.000 đồng để ở ngoài chiếu để trả cho T tiền chè nước, thuốc như chiếu bạc nhóm của H. Khi tham gia chơi đánh bạc

thì U có số tiền 5.390.000 đồng, K có số tiền 2.500.000 đồng, H có số tiền 1.000.000 đồng và Bùi Trung D có số tiền 680.000 đồng, các bị cáo khai đều sử dụng tất cả vào đánh bạc. Quá trình đánh thì chiếu bạc của U chưa ai được ù, nên không có tiền để trả tiền hồ.

Đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày, Bùi Đắc T về nhà và thấy các đối tượng đang đánh bạc trên hai chiếu bạc tại nhà của mình, nhưng T không ngăn cản mà đồng ý để cho các đối tượng tiếp tục đánh bạc tại nhà mình. T nhìn thấy số tiền 60.000 là tiền các con bạc để ở ngoài chiếu bạc của H và biết đây là tiền hồ các con bạc bỏ ra nên T cầm lấy số tiền 60.000 đồng cất vào túi quần bên phải. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi và Công an xã Xuân Trúc phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ dưới chiếu bạc nhóm của H số tiền 6.680.000 đồng, 01 bộ bài chắn 100 quân có gáy màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 15cm, có in hoa văn màu đỏ - xanh, 01 chiếu cói đôi đã qua sử dụng. Kiểm tra trên người các đối tượng thu giữ tổng số tiền 18.610.000 đồng (trong đó, của H số tiền 10.100.000 đồng, của Thuỷ số tiền 4.500.000 đồng, của S số tiền 4.000.000 đồng, của Bùi Đắc Đ số tiền 10.000 đồng). Tổng cộng đã thu giữ tại chiếu bạc nhóm của H số tiền 25.290.000 đồng;

- Thu giữ dưới chiếu bạc nhóm của U số tiền 960.000 đồng, 01 bộ bài chắn 100 quân có gáy màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 15cm, có in hoa văn màu đỏ - xanh, 01 chiếu cói đôi đã qua sử dụng. Kiểm tra trên người các đối tượng thu giữ tổng số tiền 8.610.000 đồng (trong đó, của U số tiền 5.310.000 đồng, của K số tiền 2.220.000 đồng, của Bùi Trung D số tiền 580.000 đồng và của H số tiền 500.000 đồng). Tổng cộng đã thu giữ tại chiếu bạc nhóm của U số tiền 9.570.000 đồng.

- Thu giữ trên người Bùi Đắc T số tiền 310.000 đồng, trong đó có 60.000 đồng là “tiền hồ”.

Tổng số tiền thu giữ tại hai chiếu bạc và trên người T là 35.170.000 đồng, trong đó số tiền **7.640.000** đồng thu giữ tại hai chiếu bạc các bị cáo khai nhận đó là tiền dùng vào việc đánh bạc, nhưng không nhớ số tiền cụ thể của những ai.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 02 bộ bài chắn có gáy màu trắng loại 100 quân; 02 chiếc chiếu cói đôi; 02 đĩa sứ màu trắng, đường kính mỗi đĩa là 15cm, có in hoa văn màu đỏ - xanh hiện đang quản lý tại Kho vật chứng Công an huyện Ân Thi chờ xử lý.

- Đối với số tiền 35.170.000 đồng thu giữ tại các chiếu bạc và trên người các bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện Ân Thi tại Kho bạc Nhà nước huyện Ân Thi chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 14/CT- VKSAT ngày 13/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi đã truy tố Bùi Đắc T về tội Gá bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Bùi Đắc H, Bùi Đắc K, Bùi Trung U, Nguyễn Văn H, Bùi Đắc Đ, Bùi Trung D, Nguyễn Văn S, Bùi Trung Y về tội **Đánh bạc** theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, **khoản 2 Điều 51**; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự đối với bị cáo T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, **khoản 2 Điều 51**; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự đối với các bị cáo H, K, S, U, Y, Đắc Đ, H, Trung Đ.

Tuyên bố:

Bị cáo Bùi Đắc T phạm tội Gá bạc. Các bị cáo Bùi Đắc H, Bùi Đắc K, Nguyễn Văn S, Bùi Trung U, Bùi Trung Y, Bùi Đắc Đ, Nguyễn Văn H, Bùi Trung D phạm tội **Đánh bạc**.

Xử phạt:

+ Các bị cáo Bùi Đắc T, Bùi Đắc H, Bùi Đắc K, Nguyễn Văn S, Bùi Trung U từ 01 năm 06 tháng – 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Các bị cáo Bùi Trung Y, Bùi Đắc Đ từ 01 năm – 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Các bị cáo Nguyễn Văn H, Bùi Trung D từ 09 tháng – 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã Xuân Trúc, Ân Thi, Hưng Yên quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng : Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 34.920.000 đồng.`

Tịch thu, tiêu hủy: 02 bộ bài chắn có gáy màu trắng loại 100 quân; 02 chiếc chiếu cói đôi; 02 đĩa sứ màu trắng.

Trả lại bị cáo T số tiền 250.000đ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi của mình đồng thời mong Hội đồng xét xử cho cải tạo tại địa phương vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Ân Thi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều khoản Bộ luật hình sự của các bị cáo bị bản cáo trạng số 14/CT- VKSAT ngày 13/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi truy tố: Xét hành vi của các bị cáo T,H, K, S, U, Y, Đắc Đ, H, Trung Đ bị bản cáo trạng số 14/CT- VKSAT ngày 13/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi truy tố về tội Gá bạc theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo T) và tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo còn lại thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như mô tả của Bản cáo trạng nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, phù hợp với lời khai nhận tội của các Bị cáo tại quá trình điều tra cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo (BL 240- 429), người làm chứng (BL 436, 437), người chứng kiến (BL 430- 433); biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 230-237)...

Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 02/02/2021 tại nhà của Bùi Đắc T ở thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi; Bùi Đắc H, Nguyễn Văn S, Bùi Trung Y, Bùi Đắc Đ, Bùi Đắc K, Bùi Trung U,

Nguyễn Văn H và Bùi Trung D ở cùng thôn với T đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “Chắn” sát phạt nhau bằng tiền. Khi các bị cáo đến tham gia đánh bạc tại nhà T thì T không có ở nhà. Đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày T đi về thấy các bị cáo đang đánh bạc tại nhà của mình, nhưng T không ngăn cản mà đồng ý để cho các bị cáo tiếp tục đánh bạc và cầm 60.000 đồng tiền hồ từ nhóm của H cất vào túi quần bên phải và ngồi xem các bị cáo đánh bạc. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày các bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi và Công an xã Xuân Trục phát hiện bắt quả tang. Thu giữ dưới cH bạc nhóm của H số tiền 6.680.000 đồng, thu giữ trên người các bị cáo tổng số tiền 18.610.000 đồng; Thu giữ dưới cH bạc nhóm của Trung số tiền 960.000 đồng, thu giữ trên người các bị cáo tổng số tiền 8.610.000 đồng; Thu giữ trên người T số tiền 310.000 đồng. Ngoài ra Công an còn thu giữ 02 bộ bài chắn, 02 đĩa sứ màu trắng, 02 cH cối.

Do đó, hành vi sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình cho 02 cH bạc trong cùng một lúc có tổng số tiền đánh bạc trị giá trên 5.000.000đ của bị cáo Bùi Đắc T đã phạm tội Gá bạc theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Bùi Đắc H, Nguyễn Văn S, Bùi Trung Y, Bùi Đắc Đ, Bùi Đắc K, Bùi Trung U, Nguyễn Văn H và Bùi Trung D đã phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như cáo trạng của VKSND huyện Ân Thi đã truy tố là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh nông thôn, ảnh hưởng đến kinh tế, hạnh phúc mỗi gia đình. Đánh bạc còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện nhằm thu lời bất chính. Trong giai đoạn hiện nay, các tệ nạn xã hội trong đó có tệ nạn cờ bạc gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, việc đưa ra xét xử nghiêm minh người phạm tội là rất cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo đồng thời có tác dụng trong việc phòng chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Bùi Đắc H, Nguyễn Văn S, Bùi Trung Y, Bùi Đắc Đ, Bùi Đắc K, Bùi Trung U, Nguyễn Văn H và Bùi Trung D đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình

điều tra cũng như tại phiên tòa, 09 bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo K có bố là ông Bùi Đắc Đ (Bùi Xuân Đ) được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba; bị cáo Bùi Trung D có ông nội là Bùi Trung H được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhì, có ông ngoại là Hoàng Văn L được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Bùi Trung U có bố đẻ là Bùi Trung Nguyễn được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Bùi Trung Y có bố đẻ là ông Bùi Trung H được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng Nhất nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. **Ngoài ra, các bị cáo đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương.** Vì vậy, các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Đánh giá về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, bị cáo Bùi Đắc T giữ vai trò chính là người đã dùng nhà ở của mình để các bị cáo khác đánh bạc và thu tiền hồ. Các bị cáo Bùi Đắc H, Bùi Đắc K là người đi lấy bộ bài chắn và đĩa sứ để các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nên giữ vai trò là người thực hành tích cực, tuy nhiên số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo H lớn hơn nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Văn S, Bùi Trung U, Bùi Trung Y, Bùi Đắc Đ, Nguyễn Văn H và Bùi Trung D giữ vai trò đồng phạm cùng tham gia đánh bạc. Tuy nhiên, bị cáo S có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc lớn thứ hai sau bị cáo H, bị cáo U cũng có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc lớn thứ 3 sau bị cáo S, bị cáo Y có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc lớn thứ 4 sau bị cáo U nên giữ vai trò lớn hơn các bị cáo Bùi Đắc Đ, Nguyễn Văn H và Bùi Trung D.

- Xét nhân thân của các bị cáo: Bị cáo T phạm tội lần đầu nhưng thuộc trường hợp nghiêm trọng. Các bị cáo khác đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải thực sự, có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa các bị cáo đã nhận ra sai lầm của mình và hứa quyết tâm sửa chữa. Bị cáo K đã từng bị Công an huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau ngày 30/3/2009, các bị cáo S, Trung đều bị Công an huyện Ân Thi xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc ngày 07/3/2008, tuy nhiên, thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy hình thức đánh bạc giản đơn, không phân công người canh gác, cầm cố, thế chấp tài sản để đánh bạc, không sử dụng các phương tiện công nghệ, mạng internet trợ giúp việc đánh bạc, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, thời gian đánh bạc ngắn,

các bị cáo H, K, S, U, Y, Đắc Đ, H, Trung Đ đều có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, các bị cáo T, S, U có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đồng thời, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nhưng hành vi Gá bạc mang tính giản đơn, thụ động (do khi các bị cáo đến đánh bạc bị cáo không biết), số tiền thu lời ít; gia đình bị cáo lại có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ đều đã chết, vợ chồng sống ly thân, bị cáo ở một mình. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo trên khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Xét hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo còn khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng :

CQĐT đã thu giữ của các bị cáo số tiền 35.170.000đ, trong đó có 34.920.000 đ sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước. Số tiền còn lại là 250.000đ của bị cáo T không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo.

02 bộ bài chắn có gáy màu trắng loại 100 quân; 02 chiếc chiếu cói đôi; 02 đĩa sứ màu trắng là công cụ dùng vào việc phạm tội nhưng có giá trị không lớn nên cho tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, **khoản 2 Điều 51**; khoản 1, 2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự đối với bị cáo T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, **khoản 2 Điều 51**; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự đối với các bị cáo H, K, S, U, Y, Đắc Đ, H, Trung Đ.

Tuyên bố:

Bị cáo Bùi Đắc T phạm tội Gá bạc. Các bị cáo Bùi Đắc H, Bùi Đắc K, Nguyễn Văn S, Bùi Trung U, Bùi Trung Y, Bùi Đắc Đ, Nguyễn Văn H, Bùi Trung D phạm tội **Đánh bạc**.

Xử phạt:

Bị cáo Bùi Đắc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Các bị cáo Bùi Đắc H, Bùi Đắc K, Nguyễn Văn S, Bùi Trung U mỗi bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Các bị cáo Bùi Trung Y, Bùi Đắc Đ mỗi bị cáo 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Bùi Trung D mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo cho UBND xã Xuân Trúc, Ân Thi, Hưng Yên quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người bị kết án vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

Về vật chứng : Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 34.920.000 đồng.

Tịch thu, tiêu hủy: 02 bộ bài chắn có gáy màu trắng loại 100 quân; 02 chiếc chiếu cói đôi; 02 đĩa sứ màu trắng.

Trả lại bị cáo T số tiền 250.000đ.

(Tất cả có đặc điểm như Quyết định chuyển vật chứng số 10 ngày 13/5/2021 của VKSND huyện Ân Thi).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Công an huyện Ân Thi (CQĐT; CQTHAHS)
- VKS huyện Ân Thi; VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Bị cáo,
- Lưu Hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đồng Dục